

# THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG

Đỗ Thị Thu Giang\*

*Trường Đại học Ngoại thương  
91 Chùa Láng, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội*

Nhận ngày 08 tháng 02 năm 2020

Chỉnh sửa ngày 27 tháng 02 năm 2020; Chấp nhận đăng ngày 30 tháng 03 năm 2020

**Tóm tắt:** Các học phần ngôn ngữ kinh tế thương mại có vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo sinh viên chuyên ngành tiếng Pháp thương mại - ngành Ngôn ngữ Pháp tại Trường Đại học Ngoại thương. Để nâng cao chất lượng đầu ra của sinh viên thì việc nâng cao chất lượng giảng dạy các học phần này là điều thiết yếu. Bởi vậy, chúng tôi đã thực hiện một nghiên cứu mô tả, dựa trên những công cụ nghiên cứu cơ bản như quan sát, khảo sát, phỏng vấn sinh viên và cựu sinh viên, giảng viên và nhà tuyển dụng nhằm đánh giá thực trạng giảng dạy tiếng Pháp thương mại hiện nay của cơ sở đào tạo. Kết quả nghiên cứu: (1) Xác định được những vấn đề còn tồn tại trong từng nhân tố cấu thành của giảng dạy tiếng Pháp thương mại như nội dung, chương trình đào tạo, người dạy, người học, học liệu và trang thiết bị dạy học; (2) Đề xuất những giải pháp tương ứng nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

*Từ khóa:* tiếng Pháp thương mại, tiếng Pháp chuyên ngành, phương pháp giảng dạy

## 1. Đặt vấn đề<sup>1</sup>

Nghiên cứu thực trạng giảng dạy tiếng Pháp thương mại cho sinh viên Đại học Ngoại thương (ĐHNT) thuộc chuyên ngành Tiếng Pháp thương mại (TPTM) trong giai đoạn hiện nay nhằm nâng cao chất lượng đào tạo là một vấn đề mang tính cấp thiết bởi những lý do thực tiễn và khoa học.

Về mặt thực tiễn, Tiếng Pháp thương mại là một trong những chuyên ngành ngôn ngữ quan trọng của trường ĐHNT, ra đời cách đây hơn mười năm nên còn non trẻ và ít kinh nghiệm đào tạo so với những chuyên ngành truyền thống (khỏi ngành Kinh tế) của Nhà trường. Các học phần Ngôn ngữ kinh tế thương mại (NNKTTM) đóng vai trò lớn đối

với chuyên ngành này vì nó quyết định chất lượng đầu ra của sinh viên. Trên thực tế, số lượng sinh viên TPTM khi ra trường ít có cơ hội làm việc bằng tiếng Pháp trong môi trường doanh nghiệp và kinh doanh quốc tế như mục tiêu đề ra trong chương trình đào tạo. Bên cạnh lý do khách quan là cơ hội việc làm có sử dụng tiếng Pháp cho sinh viên ở Việt Nam không nhiều, còn một lý do chủ quan là sinh viên chưa đáp ứng được yêu cầu công việc của nhà tuyển dụng, cụ thể là yêu cầu về giao tiếp tiếng Pháp trong kinh doanh. Xuất phát từ nhận định trên của một số nhà tuyển dụng và cựu sinh viên, nhóm nghiên cứu muốn đánh giá thực tế giảng dạy các học phần TPTM ở ĐHNT để chỉ ra những vấn đề còn tồn tại, từ đó đưa ra những điều chỉnh cần thiết nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

Về phương diện nghiên cứu, vấn đề này chưa từng được đề cập một cách toàn diện

\* ĐT: 84-912437705

Email: thugiang.fr@ftu.edu.vn

và riêng rẽ trong các công trình nghiên cứu trước đây ở Việt Nam và tại ĐHNT. Nghiên cứu trước đó của tác giả Đỗ Thị Thu Giang (2009, 2015) chỉ tập trung vào việc dạy và học tiếng Pháp chuyên ngành của sinh viên ngành Kinh tế ĐHNT chứ không nghiên cứu việc giảng dạy cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Pháp, chuyên ngành TPTM của Nhà trường.

Từ nhìn nhận trên, chúng tôi đưa ra những câu hỏi nghiên cứu sau:

1. *TPTM được dạy như thế nào cho sinh viên chuyên ngành TPTM tại ĐHNT và những vấn đề cần khắc phục trong dạy học là gì?*
2. *Cần có giải pháp nào để nâng cao chất lượng dạy học TPTM tại ĐHNT?*

## 2. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu nhằm mục tiêu tìm ra giải pháp để nâng cao chất lượng giảng dạy NNKTTM cho chuyên ngành TPTM tại ĐHNT. Để đạt được mục tiêu này, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu nhằm trả lời các câu hỏi trên. Cụ thể là:

- Mô tả thực trạng giảng dạy NNKTTM cho chuyên ngành TPTM tại ĐHNT và phát hiện ra những vấn đề còn tồn tại.

- Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy NNKTTM cho chuyên ngành TPTM tại ĐHNT.

## 3. Cơ sở lý thuyết

### 3.1. Chất lượng giảng dạy

Trong giáo dục, về mặt vĩ mô, chất lượng giáo dục được hiểu là sự đáp ứng mục tiêu của cơ sở giáo dục hoặc chương trình giáo dục, đáp ứng các yêu cầu của Luật giáo dục, Luật giáo dục đại học, phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực cho sự phát triển kinh tế-xã hội của địa phương và cả nước (Thông tư 61/2012/TT-BGDĐT).

Đối với các trường đại học, chất lượng luôn là vấn đề quan trọng nhất và việc nâng cao chất lượng đào tạo luôn trở thành mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của mỗi cơ sở đào tạo. Tuy nhiên, chất lượng lại là một khái niệm khó định nghĩa, khó xác định, khó đo lường và được hiểu không thống nhất. Thực tế tồn tại nhiều quan điểm khác nhau về chất lượng.

Để hiểu đầu là những yếu tố ảnh hưởng chất lượng giảng dạy, trước hết cần hiểu dạy học là gì. Hoạt động dạy học là một hoạt động sư phạm. Theo lý thuyết về dạy học hiện đại, hoạt động dạy học bao gồm hoạt động của người dạy và người học, “được thực hiện theo một chiến lược, chương trình đã được thiết kế, tác động đến người học nhằm hướng tới mục tiêu hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của người học” (Nguyễn Thị Thu Hiền, 2017). Như vậy, có thể thấy quá trình dạy học xoay quanh các nhân tố chủ yếu là người dạy, người học, chương trình đào tạo và những phương tiện để chuyển giao và lĩnh hội kiến thức giữa người dạy và người học. Do đó, theo các chuyên gia giáo dục Việt Nam như TS. Nguyễn Anh Dũng, PGS.TS Nguyễn Đức Trí (Viện Chiến lược và chương trình giáo dục), PGS.TS Nguyễn Ngọc Hợi, PGS.TS Phạm Minh Hùng, TS. Thái Văn Thành (Đại học Vinh), chất lượng giảng dạy chịu ảnh hưởng từ những yếu tố như nội dung chương trình, sách giáo khoa, số lượng và cơ cấu chất lượng nghề nghiệp của giáo viên, phương pháp và thiết bị giáo dục và công tác kiểm tra đánh giá việc học tập của người học. Các chuyên gia cũng thống nhất cho rằng giáo viên là yếu tố hàng đầu nâng cao chất lượng giáo dục (Báo Nhân dân điện tử, 2010).

### *Chất lượng giảng dạy ngoại ngữ*

Trong Khung tham chiếu châu Âu về ngôn ngữ (CECRL/CEFR), Heyworth (2001) đã đề cập đến những vấn đề liên quan đến chất lượng giảng dạy ngoại ngữ. Theo đó, việc dạy

ngoại ngữ cũng giống như nhiều lĩnh vực hoạt động khác, cần đáp ứng nhu cầu “khách hàng” của mình: người học, phụ huynh học sinh, nhà tuyển dụng, xã hội nói chung. Việc dạy và học ngoại ngữ chịu ảnh hưởng của yếu tố giảng viên, người học và mối quan hệ giữa họ.

Khi đề cập đến chất lượng của việc dạy và học ngoại ngữ, Danielle Joulia (2003) cho rằng bài toán chất lượng cần được giải quyết thông qua việc kết hợp hiệu quả nhiều tham số khác nhau của quá trình dạy học: người học (với trình độ và động cơ học tập), nguồn lực phục vụ người dạy và người học (giáo trình, từ điển, labo học tiếng, phần mềm, internet), phương pháp dạy học phù hợp với hai yếu tố trên và khả năng tháo bỏ những rào cản của quá trình dạy học để kích lệ, tạo động cơ cho người dạy và người học.

Tổng hợp từ những quan điểm về chất lượng giảng dạy nói chung và chất lượng giảng dạy ngoại ngữ nói riêng, nhóm nghiên cứu thống nhất lựa chọn quan điểm của mình về chất lượng giảng dạy ngoại ngữ như sau: chất lượng giảng dạy ngoại ngữ được đo bằng tính phù hợp của sản phẩm đào tạo (là trình độ, kĩ năng thực hành ngoại ngữ của người học) với mục tiêu đào tạo đã đề ra và tuyên ngôn trong chương trình đào tạo, bằng mức độ đáp ứng nhu cầu của khách hàng (doanh nghiệp, tổ chức sử dụng sinh viên tốt nghiệp trên thị trường lao động) và chịu ảnh hưởng từ những yếu tố cấu thành của giảng dạy là chương trình, nội dung giảng dạy, người dạy, người học và công cụ dạy học.

### 3.2. Tiếng Pháp chuyên ngành (TPCN) và đặc thù của giảng dạy TPCN

#### 3.2.1. Định nghĩa TPCN

TPCN (Français de spécialité) là một phân môn của giảng dạy tiếng Pháp như một ngôn ngữ nước ngoài (FLE – Français Langue Etrangère). Ra đời từ những năm 60 của thế

kỷ XX và trở nên thịnh hành trong những năm 90, lĩnh vực giảng dạy TPCN ngày càng phát triển do nhu cầu học tiếng Pháp để giao tiếp chuyên môn tăng cao trong bối cảnh hội nhập giáo dục và hoạt động nghề nghiệp. Có nhiều định nghĩa được đưa ra để xác định những đặc điểm và tính chất của ngôn ngữ chuyên ngành nói chung và TPCN nói riêng.

Galisson và Coste (1976: 511) cho rằng ngôn ngữ chuyên ngành là một “thuật ngữ chung để chỉ các ngôn ngữ được sử dụng trong những tình huống giao tiếp (nói hay viết) trong đó có truyền tải một thông tin thuộc một lĩnh vực kinh nghiệm cụ thể”.

Dubois và cộng sự (1994: 440) thì cho rằng “Người ta dùng từ *ngôn ngữ chuyên ngành* để chỉ một bộ phận ngôn ngữ quy tụ tất cả những nét đặc thù về ngôn ngữ của một lĩnh vực cụ thể.” Cùng hướng suy nghĩ này, L’Homme (2011: 31) coi ngôn ngữ chuyên ngành là “một bộ phận ngôn ngữ bao gồm những phương tiện biểu đạt (từ vựng, ngữ pháp, văn phong) được sử dụng thường xuyên bởi một nhóm các chuyên gia trong một lĩnh vực kiến thức nhất định của con người”.

Tổng hợp các định nghĩa và quan điểm giáo học pháp, chúng tôi đưa ra định nghĩa sau về TPCN: Tiếng Pháp chuyên ngành là phần ngôn ngữ ứng dụng của tiếng Pháp, bao gồm các phương tiện biểu đạt (từ vựng, ngữ pháp, văn phong), được sử dụng trong môi trường chuyên môn hoặc đào tạo chuyên ngành.

Với định nghĩa này, chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng TPCN không phải là một bộ phận tách biệt khỏi ngôn ngữ chung mà nó là việc sử dụng ngôn ngữ đó trong bối cảnh hay tình huống chuyên môn đặc thù. Vì vậy, việc giảng dạy TPCN chủ yếu dựa trên phân tích và khai thác các diễn ngôn chứa thông tin chuyên ngành của lĩnh vực chuyên môn. TPCN nhằm vào đối tượng chủ yếu là sinh viên đại học đang trong quá trình tích lũy kiến thức chuyên

môn, theo học một chương trình trong trung hạn hoặc dài hạn.

### 3.2.2. Các nguyên tắc giáo học pháp của TPCN

Theo Mangiante (2006:138), trong TPCN, “đối tượng của việc giảng dạy liên quan đến một chuyên ngành, một lĩnh vực chuyên môn, bao gồm toàn bộ những tình huống giao tiếp chuyên môn đặc thù của một môn khoa học hay một ngành nghề cụ thể và cơ sở đào tạo không biết trước về đối tượng người học mà mình sẽ cung cấp chương trình đào tạo ngôn ngữ”. Đầu lộ trình đào tạo, cơ sở hoặc người phụ trách đào tạo sẽ xác định nội dung và đường hướng dạy học dựa trên cơ sở những giả định về nhu cầu sử dụng ngôn ngữ trong lĩnh vực chuyên môn và công việc sau này của sinh viên. Vì mỗi lĩnh vực đều bao gồm nhiều vị trí nghề nghiệp khác nhau nên chương trình TPCN phải hướng tới tất cả những nghề nghiệp này, chuẩn bị cho sinh viên khi ra trường có thể làm ở nhiều nghề khác nhau trong cùng lĩnh vực. Trong hoàn cảnh đó, người tổ chức đào tạo sẽ lập nhóm người học tương đồng về mục tiêu học tập và xây dựng chương trình đào tạo trong đó bao hàm các tình huống giao tiếp chuyên môn của mọi người học. Những tình huống hay diễn ngôn chuyên ngành được xác định bởi những đặc trưng về ngôn ngữ sử dụng trong lĩnh vực cụ thể. Việc phân tích đặc điểm diễn ngôn của giao tiếp chuyên môn là vô cùng cần thiết trong phương pháp giảng dạy TPCN.

Bộ chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo chính là mục tiêu đào tạo được xây dựng trên cơ sở giả định về nhu cầu đào tạo của sinh viên trước đó được cụ thể hóa. Chuẩn đầu ra cho phép người tổ chức đào tạo xây dựng bộ năng lực ngôn ngữ mà sinh viên cần đạt được sau khi kết thúc chương trình đào tạo. Theo Mangiante (2006:140), việc phát triển chương trình và xây dựng bộ năng lực ngôn ngữ là

công cụ quan trọng trong giảng dạy TPCN.

Mangiante và Parpette (2004:142) cho rằng „phần TPCN ở một số trường đại học hay các lớp luyện thi để lấy bằng của Phòng Thương mại và Công nghiệp Paris (CCIP) chính là nằm trong loại hình đào tạo của TPCN”.

Để thiết kế chương trình đào tạo ngôn ngữ dành cho đối tượng người học chuyên ngành, việc thu thập ngữ liệu thuộc lĩnh vực chuyên môn sẽ cho phép xác định và phân tích những đặc điểm ngôn ngữ đặc trưng, được sử dụng lặp đi lặp lại trong giao tiếp chuyên môn. Từ đó, người dạy có thể tìm ra loại diễn ngôn điển hình đặc trưng của tất cả các ngữ liệu chuyên ngành đã thu thập được, cũng chính là đặc trưng của giao tiếp chuyên môn mà người học cần lĩnh hội.

Những đặc điểm diễn ngôn đặc trưng của lĩnh vực chuyên môn sẽ được phân tích, nghiên cứu cùng với người học thông qua ngữ liệu gốc thu thập từ thực địa. Khi đó, việc xây dựng “một tập hợp các năng lực ngôn ngữ của lĩnh vực chuyên môn sẽ trở thành công cụ đặc biệt hữu hiệu cho phép người dạy xây dựng chương trình và tiến độ giảng dạy...” (Mangiante, 2006: 140).

### 3.2.3. Xây dựng bộ năng lực ngôn ngữ trong đào tạo TPCN

Việc xây dựng bộ năng lực ngôn ngữ chuyên ngành là bước cần thiết trong giảng dạy ngôn ngữ chuyên ngành nói chung và TPCN nói riêng. Nó là nền tảng để thiết kế nội dung giảng dạy cùng những hoạt động dạy học tương ứng.

Bộ năng lực ngôn ngữ được định nghĩa là “một danh sách thống kê các năng lực cần thiết để thực hiện các hoạt động và một bộ thống kê cả chính những hoạt động này” (Cuq, 2003: 212). Bộ năng lực ngôn ngữ sẽ thống kê những công cụ ngôn ngữ điển hình

được lựa chọn trong số các phương thức biểu đạt trong tiếng Pháp (từ, câu, bài texte...) để giao tiếp trong lĩnh vực chuyên ngành. Người học sẽ phải biết cách sử dụng những công cụ đó để thực hiện năng lực giao tiếp trong môi trường nghề nghiệp của mình sau này.

#### *Quy trình xây dựng Bộ năng lực ngôn ngữ*

Quy trình xây dựng Bộ năng lực ngôn ngữ chuyên ngành bao gồm 5 giai đoạn khác nhau (Mangiante, 2007).

Giai đoạn thứ nhất là quan sát thực địa, bối cảnh làm việc của lĩnh vực chuyên môn liên quan. Ở giai đoạn này, cần lựa chọn các chuyên gia trực tiếp làm việc trên thực địa, sau đó xác định những nhiệm vụ cần thực hiện trong công việc, xác định những tình huống công việc trong đó ngôn ngữ được sử dụng, ghi lại các chủ đề trao đổi trong công việc giữa các chủ thể giao tiếp, từ đó xác định những năng lực giao tiếp cần thiết để làm việc trong lĩnh vực chuyên môn đó.

Giai đoạn thứ hai là phân tích nhu cầu. Giai đoạn này cần được thực hiện thông qua

các phiếu khảo sát, các quan sát hay phỏng vấn để định rõ những hành vi ngôn ngữ thường được sử dụng lặp đi lặp lại trong giao tiếp chuyên môn.

Giai đoạn thứ ba là thu thập dữ liệu bằng việc ghi âm lại những phát ngôn lời nói và thu thập những tài liệu viết trong công việc của lĩnh vực chuyên môn cụ thể.

Giai đoạn thứ tư là phân tích các dữ liệu đã thu thập được và xác định nội dung ngôn ngữ tương ứng với những mục tiêu giao tiếp.

Giai đoạn thứ năm là xây dựng bộ năng lực dùng cho dạy học thông qua việc thống kê tập hợp các kỹ năng ngôn ngữ cần thiết mà chúng ta đã tìm ra từ nghiên cứu thực địa nói trên.

Để minh họa điều này, chúng tôi xin lấy ví dụ về một nghiên cứu của Julie Rouvière (dẫn theo Mangiante, 2006: 150). Nghiên cứu này đã xây dựng được bộ năng lực ngôn ngữ dùng trong y học từ những dữ liệu thu thập được. Ví dụ với nội dung nghe nói, bộ năng lực này đã liệt kê những yếu tố sau (Bảng 1):

Bảng 1. Bộ năng lực ngôn ngữ nói trong lĩnh vực y tế

(Nguồn: Mangiante 2006:150)

Mục tiêu	Năng lực
Đánh giá triệu chứng để chẩn đoán bệnh	Biết và sử dụng được những cách hỏi khác nhau
Trình bày tổng quát về quá trình nhập viện và điều trị của bệnh nhân	Bảo vệ ý kiến, lập luận
Đưa ra phác đồ điều trị và khuyên bệnh nhân về vấn đề vệ sinh	Trần an người bệnh
	Hiểu và đọc được ý nghĩa bệnh nhân khi họ thể hiện sự ngập ngừng, sợ hãi, nghi ngờ.
	Mô tả số lượng và tỷ lệ
	Hiểu yêu cầu của bệnh nhân, nhận ra các ẩn ý của yêu cầu này

Tương tự như bảng trên, việc thiết kế và xây dựng bộ năng lực ngôn ngữ cho giảng dạy TPTM cần dựa trên phương pháp luận về thiết kế bộ năng lực đào tạo ngôn ngữ chuyên ngành, nghĩa là phải xác định những năng lực ngôn ngữ cần thiết để giao tiếp trong những tình huống kinh doanh, kinh tế, thương mại.

#### *3.2.4. Tình hình nghiên cứu về giảng dạy TPTM*

Trên thế giới, ngoài những nghiên cứu lý thuyết về phương pháp giảng dạy tiếng Pháp chuyên ngành của những tác giả lớn như Lehman (1993), L'Homme (2001), Mangiante và Parpette (2004, 2006, 2007), Carras và cộng sự (2007), Mourlhon-Dallies (2008), có nhiều

nghiên cứu thực tiễn về TPTM như luận án của Zolana (2013), Alrabadi (2007). Nhiều nghiên cứu sinh Việt Nam khi du học tại Pháp cũng thực hiện luận án liên quan đến giảng dạy TPTM như Nguyễn Thị Ngọc Sương (2000), Huỳnh Thanh Nhã (2003), Trương Hoàng Lê (2007), Diệp Kiến Vũ (2008), Đinh Ngọc Lâm (2014). Đa số các nghiên cứu này đều tìm cách xác định những đặc tính của diễn ngôn kinh tế thương mại mà người dạy và người học cần lưu ý trong quá trình dạy học. Ở Việt Nam, một số nghiên cứu đề cập đến tình hình giảng dạy tiếng Pháp thương mại ở đại học như nghiên cứu về giảng dạy TPTM cho sinh viên ngành kinh tế tại Đại học Ngoại thương và các trường đại học kinh tế khác của Đỗ Thị Thu Giang (2009, 2015), tại Đại học Thương mại của Nguyễn Thị Mị Dung (2009). Tuy nhiên, nghiên cứu trước đó của tác giả (Đỗ Thị Thu Giang, 2009, 2015) chỉ tập trung vào việc dạy và học tiếng Pháp chuyên ngành của sinh viên khối kinh tế chứ không nghiên cứu việc giảng dạy cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Pháp. Do đó, nghiên cứu hiện tại là một đóng góp quan trọng vào việc đánh giá tổng quát chất lượng giảng dạy TPTM cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Pháp tại ĐHNH, từ đó tìm ra giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

#### **4. Đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu**

##### *4.1. Đối tượng nghiên cứu*

Đối tượng nghiên cứu là chất lượng giảng dạy các học phần NNKTTM của chuyên ngành TPTM tại ĐHNH. Cụ thể, nhóm nghiên cứu phân tích và nghiên cứu các yếu tố quyết định chất lượng giảng dạy như chương trình, nội dung giảng dạy, yếu tố người dạy (trình độ, phương pháp), yếu tố người học (trình độ, động cơ), giáo trình tài liệu và phương tiện dạy học.

##### *4.2. Phạm vi nghiên cứu*

Chúng tôi tập trung nghiên cứu việc giảng dạy các học phần NNKTTM cho sinh viên Ngành Ngôn ngữ Pháp (chuyên ngành TPTM) tại ĐHNH, không nghiên cứu việc giảng dạy

cho sinh viên các chuyên ngành kinh tế của Nhà trường.

Về thời gian, chúng tôi nghiên cứu việc giảng dạy TPTM ở thời điểm năm học 2017-2018 (sinh viên K53 TPTM) có tính đến những đánh giá của sinh viên khoá trước (từ K45 TPTM đến K52 TPTM) về chất lượng dạy học.

#### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Sử dụng phương pháp nghiên cứu mô tả với những công cụ nghiên cứu chủ yếu như quan sát, điều tra khảo sát, phỏng vấn, trao đổi với những chủ thể chính của quá trình dạy và học TPTM như giảng viên, sinh viên, sinh viên đã tốt nghiệp, nhà tuyển dụng, chúng tôi đã thống kê, phân tích, tổng hợp dữ liệu và thu được những kết quả nghiên cứu về chất lượng giảng dạy TPTM tại ĐHNH.

Riêng về khảo sát, Phiếu khảo sát được thiết kế trên googleforms và gửi qua đường link google drive tới toàn thể sinh viên năm thứ tư (năm học 2017-2018) (thu được 36 Phiếu trả lời/36 Phiếu phát ra), một số sinh viên tốt nghiệp (thu được 80 Phiếu trả lời từ cựu sinh viên thuộc tất cả các khoá đã tốt nghiệp chuyên ngành TPTM của ĐHNH từ K45 đến K52). Phiếu khảo sát được thiết kế trên bản word, in ra giấy rồi gửi cho giảng viên (thu được 8 phiếu trả lời/10 phiếu phát ra). Phiếu khảo sát gồm các câu hỏi liên quan đến đánh giá của sinh viên và giảng viên về các nhân tố cấu thành của giảng dạy TPTM như nội dung giảng dạy, phương pháp dạy học, trình độ giảng viên, động cơ của sinh viên, giáo trình học liệu. Ngoài ra, Phiếu khảo sát có thêm một số câu hỏi về thực trạng sử dụng tiếng Pháp của sinh viên tốt nghiệp (đối với sinh viên tốt nghiệp), đề xuất nâng cao chất lượng giảng dạy TPTM trên nhiều phương diện. Sau khi thu được phiếu trả lời khảo sát, chúng tôi tiến hành tổng hợp dữ liệu, phân tích và đưa ra một số kết quả ban đầu. Để kiểm chứng và hiểu sâu thêm một số nội dung thu được từ kết quả khảo sát, chúng

tôi tiến hành phỏng vấn 02 giảng viên, 03 sinh viên và 03 sinh viên tốt nghiệp.

Đối với các nhà tuyển dụng, nhóm nghiên cứu phỏng vấn qua điện thoại hoặc trao đổi qua email, messenger với 05 nhà tuyển dụng có sử dụng sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành TPTM của ĐHNT những năm gần đây trong các lĩnh vực xuất nhập khẩu, xúc tiến thương mại, quản trị nhân sự và du lịch, ghi lại những nhận xét, đánh giá của họ về khả năng làm việc của sinh viên TPTM cũng như những điểm hạn chế cần cải thiện, những đề xuất với chương trình đào tạo.

Việc tổng hợp và phân tích dữ liệu ban đầu thu được từ khảo sát sinh viên, sinh viên tốt nghiệp được thực hiện tự động nhờ phần mềm khảo sát googleforms trên internet. Dữ liệu thu được từ khảo sát giảng viên và nhà tuyển dụng được thống kê thủ công vì số lượng người trả lời không lớn. Sau đó, chúng tôi tiến hành tổng hợp các số liệu thu được và mô hình hoá những kết quả quan trọng bằng bảng, biểu đồ nhờ phần mềm tin học word của Microsoft.

Dù mẫu khảo sát còn khiêm tốn do những khó khăn khách quan và chủ quan, chúng tôi đã thu được những kết quả quan trọng và những kết quả đó dùng để minh hoạ những phân tích, nhận định về chất lượng giảng dạy TPTM mà nhóm nghiên cứu đưa ra trên cơ sở những quan sát, trải nghiệm, trao đổi chuyên môn sâu với những chủ thể trực tiếp của quá trình dạy học và trên cơ sở của lý luận về phương pháp giảng dạy ngôn ngữ chuyên ngành.

## 6. Kết quả nghiên cứu

### 6.1. Đánh giá chất lượng giảng dạy TPTM tại ĐHNT

Chất lượng giảng dạy TPTM tùy thuộc vào chất lượng của từng yếu tố cấu thành nên hoạt động dạy học, đó là chương trình, nội dung đào tạo, người dạy, người học và giáo trình học

liệu. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng bên cạnh những điểm tích cực thì trong mỗi nhân tố đang tồn tại những bất cập nhất định.

#### 6.1.1. Về chương trình, nội dung đào tạo

Thứ nhất, mục tiêu đào tạo và chương trình nội dung đào tạo chưa thống nhất: với một chương trình đào tạo thuộc ngành ngôn ngữ, với số lượng môn học hỗ trợ kiến thức chuyên ngành bằng tiếng Việt rất ít (5 học phần – 15 tín chỉ) thì không thể đặt mục tiêu sinh viên ra trường có kiến thức chuyên sâu về kinh tế như đã tuyên ngôn trong Chương trình (ĐHNT, 2014). Nội dung đào tạo chưa ưu tiên cung cấp kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ để giao tiếp trong môi trường kinh doanh mà đôi khi còn nặng về kiến thức chuyên ngành. Do đó cần xác định lại mục tiêu đào tạo của chương trình TPTM theo hướng ưu tiên cung cấp kiến thức và năng lực ngôn ngữ.

Thứ hai, chủ đề giảng dạy trong các học phần NNKTTM chưa được sắp xếp hợp lý. Một số học phần có nội dung gần nhau trong khi vẫn thiếu những nội dung quan trọng và thiết thực (ví dụ như giao nhận vận tải logistics, bảo hiểm).

Thứ ba, nội dung và phương pháp giảng dạy TPTM ở một số học phần đang hướng đến cách tiếp cận của môn chuyên ngành chứ không phải môn ngoại ngữ, do đó, hoạt động dạy học cũng hướng theo việc dạy kiến thức kinh tế thay vì dạy kỹ năng ngôn ngữ theo đúng sứ mệnh của giảng dạy ngôn ngữ chuyên ngành.

Thứ tư, hoạt động giảng dạy hiện đang thiếu bộ năng lực ngôn ngữ kinh tế thương mại dựa trên việc thu thập ngữ liệu từ thực địa của môi trường doanh nghiệp. Bộ năng lực này là cơ sở để xây dựng các hoạt động dạy học nhằm giúp sinh viên lĩnh hội được các kỹ năng giao tiếp cần thiết cho công việc tương lai. Ngoài ra, các học phần NNKTTM cũng chưa thiết kế buổi học thực tế như thăm thực

địa, trao đổi với chuyên gia, hội thảo chuyên ngành... nhằm tăng tính liên kết giữa chương trình đào tạo và doanh nghiệp.

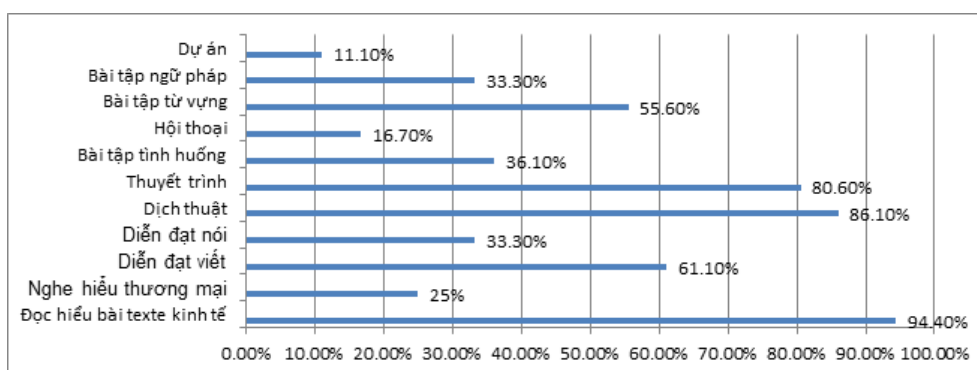
*Tóm lại*, chương trình, nội dung giảng dạy TPTM còn nhiều bất cập về mục tiêu đào tạo, về cơ cấu chủ đề kinh tế thương mại được đề cập trong các học phần, thiếu bộ năng lực ngôn ngữ kinh tế thương mại để sử dụng khi dạy học, vì thế chưa đáp ứng nhu cầu người học và thị trường lao động.

### 6.1.2. Về người dạy

Ưu điểm của đội ngũ giảng viên TPTM là được đào tạo bài bản cả về tiếng Pháp và kiến thức chuyên ngành. Đa số các giảng viên được đào tạo tại Pháp hoặc trong các chương trình liên kết với Pháp. Vì thế, trình độ tiếng Pháp và kiến thức chuyên ngành của đội giảng viên nhìn chung được sinh viên đánh giá cao. Theo kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu, 74.7% sinh viên tốt nghiệp cho rằng trình độ tiếng Pháp của đội ngũ giảng viên là tốt hoặc rất tốt, 62.6% đánh giá kiến thức chuyên ngành của giảng viên

ở mức tốt. Ngoài ra, với tuổi đời còn trẻ và có động cơ dạy học tốt, yêu thích các học phần NNKTTM, các giảng viên luôn nhiệt tình trong công việc và có khả năng tạo động cơ học tập cho sinh viên.

Tuy nhiên, những vấn đề của đội ngũ giảng viên cũng được bộc lộ qua nhiều điểm khác nhau. Trước hết, phương pháp dạy học của giảng viên nhìn chung còn hạn chế và không được đánh giá cao. Điều này khiến cho việc tiếp cận nội dung giảng dạy, tổ chức hoạt động trên lớp của giảng viên chưa phù hợp và chưa đúng với phương pháp giảng dạy ngôn ngữ chuyên ngành. Chẳng hạn như giảng viên chưa tập trung rèn luyện đủ cả 4 kỹ năng giao tiếp cho sinh viên, chú trọng giải thích kiến thức kinh tế hơn các hoạt động thực hành giao tiếp bằng tiếng Pháp, ít các hoạt động tương tác trên lớp như xây dựng hội thoại, thực hiện dự án chung, nghiên cứu tình huống. Điều này cũng được khẳng định thông qua liệt kê của sinh viên về những hoạt động học tập chính trong học phần TPTM (Biểu đồ 1).



Biểu đồ 1. Liệt kê của sinh viên về các hoạt động chính trên lớp

Hoạt động kiểm tra đánh giá cũng thể hiện bất cập như chủ yếu kiểm tra thuật ngữ, từ vựng và kiến thức kinh tế, không có phần nghe và nói trong đề thi giữa học phần và kết thúc học phần. Điều này kéo theo việc định hướng sai nội dung kiến thức và kỹ năng mà sinh viên cần học bởi trong thực tế, sinh viên

luôn đi theo logic “thi gì học nấy”. Nguyên nhân của tình trạng trên xuất phát từ việc giảng viên không được đào tạo chuyên sâu và thường xuyên về phương pháp dạy học ngoại ngữ nói chung và phương pháp dạy học ngoại ngữ chuyên ngành nói riêng.



Thêm nữa, những rào cản về hành chính và tài chính có thể là nguyên nhân khiến giảng viên chưa mạnh dạn chủ động thiết kế các hoạt động tăng tính tương tác giữa chương trình đào tạo và doanh nghiệp.

Ngoài ra, trong một số trường hợp, giảng viên còn gặp khó khăn như thiếu kiến thức chuyên ngành, thiếu giáo trình học liệu cập nhật cũng như trang thiết bị dạy học.

### 6.1.3. Về người học

Ưu điểm nổi bật là sinh viên có đầu vào tương đối tốt với thời gian học tiếng Pháp từ 3-12 năm ở phổ thông và thường là học sinh khối song ngữ hoặc hệ chuyên tiếng Pháp. Đa số sinh viên có động cơ học tập tốt. Về trình độ, sau quá trình học TPTM, sinh viên nắm được kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ và nhìn chung có thể hiểu các diễn ngôn kinh tế không quá chuyên sâu nhờ vốn từ vựng và thuật ngữ chuyên ngành đã học.

Tuy vậy, vẫn còn một bộ phận sinh viên thiếu động cơ học tập và bi quan về cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp do không được tư vấn hướng nghiệp tốt và ít hiểu biết về thị trường lao động. Về trình độ, không nhiều sinh viên ra trường có thể giao tiếp nói và viết thành thạo trong những tình huống chuyên môn do thiếu kiến thức tiếng và kiến thức chuyên ngành. Do đó, sinh viên tốt nghiệp - sản phẩm của quá trình dạy học TPTM, trong nhiều trường hợp, chưa đáp ứng được yêu cầu của công việc như mục tiêu đề ra trong chương trình đào tạo.

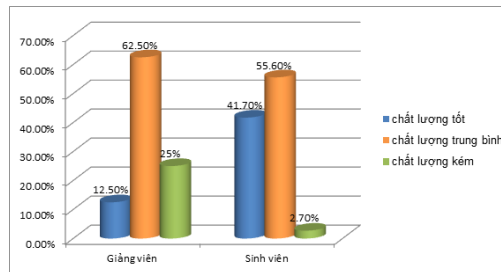
Ngoài ra, gần như tất cả sinh viên đều gặp khó khăn trong các học phần TPTM. Những khó khăn của sinh viên đến từ việc thiếu vốn từ vựng chuyên ngành, thiếu kiến thức chuyên ngành, không hoặc ít mối liên hệ giữa kiến thức kinh tế trong các môn hỗ trợ bằng tiếng Việt và kiến thức kinh tế đề cập trong các học phần NNKTTM.

### 6.1.4. Về giáo trình học liệu và trang thiết bị dạy học

Giảng viên TPTM sử dụng nguồn giáo trình tài liệu khá phong phú, đa dạng, đa số là ấn phẩm tại Pháp của những tác giả tên tuổi chuyên viết giáo trình TPTM. Ngoài ra, giảng viên còn chủ động học hỏi và tìm kiếm thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để cập nhật bài giảng như: thông tin kinh tế Pháp, sách báo tiếng Pháp chuyên ngành kinh tế thương mại, báo điện tử Pháp, hỏi ý kiến chuyên gia, v.v. (Đỗ Thị Thu Giang, 2014). Song, bên cạnh đó, còn khá nhiều bất cập liên quan đến giáo trình học liệu của chương trình TPTM hiện nay. Cụ thể là: (1) Giảng viên chưa soạn giáo trình riêng cho học phần theo hướng xây dựng bộ năng lực ngôn ngữ kinh tế thương mại gồm những kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Pháp trong môi trường kinh doanh, từ đó xây dựng những hoạt động, bài tập tương ứng cho từng buổi học; (2) Việc sử dụng sách chuyên ngành làm tài liệu giảng dạy chính của môn học khiến một số học phần NNKTTM có cách tiếp cận của môn chuyên ngành, chú trọng kiến thức kinh tế thay vì kiến thức và năng lực ngôn ngữ. Chẳng hạn với học phần NNKTTM 2 – marketing, giáo trình sử dụng là sách chuyên ngành “Marketing” của Claude Demeure chứ không phải giáo trình tiếng Pháp thương mại theo đúng giáo học pháp của giảng dạy ngôn ngữ chuyên ngành; (3) Đa số các giáo trình, sách tham khảo đều khá cũ, nếu có tái bản thì nội dung không cập nhật hoặc rất ít thay đổi. Chẳng hạn giáo trình chính được sử dụng trong hầu hết các học phần NNKTTM là giáo trình *Le Français de l'entreprise* (Michel Danilo, Béatrice Tauzin) được xuất bản từ 1990 và tái bản năm 2005. Tuy nhiên trong sách tái bản, các thông tin vẫn giữ nguyên và nhiều nội dung trở nên lạc hậu (ví dụ số vốn pháp định của các loại hình công ty ở Pháp vẫn theo đơn vị tiền francs thay vì euros); (4) Các tài liệu sử dụng hầu như đều là bản photo đen

trắng (với cả giảng viên và sinh viên) nên chất lượng kém và không tạo hứng thú học tập cho sinh viên. Vì thế, khi được hỏi về giáo trình học liệu, nhiều sinh viên đánh giá chất lượng trung bình hoặc kém (58.4%). Đa số giảng viên (87.55%) cũng đánh giá giáo trình học liệu có chất lượng vừa phải hoặc kém (Biểu đồ 2) ; (5) Trang thiết bị dạy học, về cơ bản

đáp ứng được yêu cầu tối thiểu của phòng học tiếng với bàn ghế, máy tính giáo viên, máy chiếu, tivi, màn hình lớn. Tuy nhiên, phòng học thiếu không gian để tổ chức lớp học tăng tính tương tác, hệ thống kết nối mạng chất lượng không tốt và đôi khi thiết bị hỏng hoặc thiếu. Những hạn chế này là rào cản không nhỏ cho quá trình dạy học.

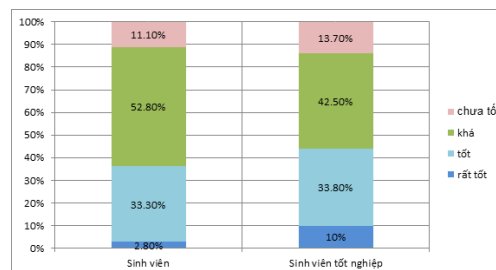


Biểu đồ 2. Đánh giá chất lượng giáo trình của giảng viên và sinh viên

Đánh giá một cách tổng quát, chất lượng giảng dạy TPTM hiện nay chưa cao với những bất cập trong chương trình, nội dung giảng dạy, đội ngũ giảng viên và sinh viên cũng như giáo trình học liệu. Do vậy, việc dạy học chưa tạo ra nhiều sản phẩm đáp ứng yêu cầu của xã hội và thị trường lao động như trong mục tiêu

đào tạo đã đề ra.

Đánh giá này cũng trùng với đánh giá tổng quan của sinh viên về chất lượng giảng dạy TPTM. Theo kết quả khảo sát, 63.9% sinh viên và 56.2% sinh viên tốt nghiệp đánh giá chất lượng giảng dạy TPTM ở ĐHNT ở mức khá hoặc chưa tốt (Biểu đồ 3).



Biểu đồ 3. Đánh giá tổng quan của sinh viên về chất lượng giảng dạy TPTM

Như vậy, có thể coi bức tranh chất lượng giảng dạy TPTM có cả gam sáng và gam trầm. Để gam sáng thống trị toàn bộ hoặc phần lớn bức tranh, chúng ta cần có những giải pháp cụ thể liên quan đến nhiều yếu tố như đã phân tích ở trên: chương trình, nội dung giảng dạy, đội ngũ giảng viên, sinh viên và giáo trình học liệu. Đó cũng là mục tiêu của cơ sở đào tạo, nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, nâng

cao sản phẩm đầu ra để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của xã hội và thị trường lao động.

### 6.2. Giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy TPTM tại ĐHNT

Sau khi phân tích thực trạng và đánh giá chất lượng giảng dạy các học phần NNKTTM trong chương trình đào tạo của chuyên ngành TPTM tại ĐHNT, nhóm nghiên cứu đề xuất

các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy TPTM của Nhà trường, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động trong thời gian tới. Các đề xuất trong phần Giải pháp chung liên quan đến bốn yếu tố cấu thành của hoạt động dạy học, đó là chương trình, nội dung giảng dạy, đội ngũ giảng viên, sinh viên, giáo trình học liệu.

#### 6.2.1. Về chương trình, nội dung giảng dạy

Thứ nhất, cần chỉnh sửa lại mục tiêu đào tạo đã tuyên bố trong Chương trình TPTM: không nên đặt mục tiêu quá nặng về kiến thức kinh tế chuyên sâu mà cần theo hướng ưu tiên cung cấp **kiến thức và năng lực ngôn ngữ để giao tiếp tiếng Pháp trong môi trường doanh nghiệp** nói chung. Mục tiêu kiến thức và năng lực ngôn ngữ mới là mục tiêu đào tạo chuẩn của một chuyên ngành ngôn ngữ thương mại. Mục tiêu được xác định như trên sẽ phù hợp với chương trình và nội dung dạy học chú trọng vào kiến thức và năng lực ngôn ngữ giao tiếp chuyên môn, đúng với phương pháp luận của giảng dạy ngôn ngữ chuyên ngành.

Thứ hai, căn cứ vào những bất cập trong nội dung chương trình, các giảng viên được hỏi thống nhất cho rằng cần sắp xếp hợp lý các chủ

đề giảng dạy trong các học phần NNKTTM theo hướng ghép một số học phần có nội dung gần nhau, bổ sung môn học thiết thực theo yêu cầu của thị trường lao động. Cụ thể, cần ghép học phần NNKTTM2 (Marketing) với NNKTTM 7 (Quản trị bán hàng), ghép học phần NNKTTM 3 (Tài chính-ngân hàng) với NNKTTM 9 (Tài chính kế toán). Có thể chuyển nội dung “dịch thuật kinh tế thương mại” ở hai học phần NNKTTM 9 (Thực hành dịch kinh tế thương mại 1) và NNKTTM 10 (Thực hành dịch kinh tế thương mại 2) vào trong từng học phần NNKTTM như một dạng bài tập, hoạt động trên lớp. Như vậy có thể dành thời lượng cho các môn học mới để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động. Kết quả phỏng vấn các nhà tuyển dụng cho phép nhóm nghiên cứu đề xuất thêm môn học mới như Văn hoá doanh nghiệp, Logistics và vận tải, bảo hiểm trong kinh doanh. Hơn nữa, cần đưa thêm học phần Nhập môn kinh tế thương mại (Khái niệm kinh tế cơ bản) vào học phần NNKTTM đầu tiên, trước khi đề cập các chủ đề kinh tế khác. Dưới đây là đề xuất các học phần NNKTTM trong chương trình đào tạo (Bảng 2):

Bảng 2. Đề xuất các học phần NNKTTM trong chương trình đào tạo

	Môn học
1	NNKTTM1: Nhập môn kinh tế thương mại (Khái niệm kinh tế cơ bản)
2	NNKTTM2: Quan hệ kinh tế quốc tế
3	NNKTTM 3: Marketing và quản trị bán hàng
4	NNKTTM 4: Kinh doanh quốc tế
5	NNKTTM5: Quản trị dự án
6	NNKTTM 6: Tài chính – ngân hàng
7	NNKTTM 7: Đàm phán thương mại
8	NNKTTM 8: Luật thương mại
9	NNKTTM 9: Logistics và vận tải – bảo hiểm
10	NNKTTM 10: Thư tín – hợp đồng và Văn hoá doanh nghiệp

Ngoài ra, cần hỏi ý kiến tư vấn của chuyên gia kinh tế về thứ tự môn học sao cho các học

phần trên được giảng dạy theo trình tự logic khoa học hợp lý. Các giảng viên kinh tế trường

ĐHNT có thể tư vấn tốt cho Khoa Tiếng Pháp về trật tự này. Với những nội dung mới như Vận tải - bảo hiểm, Văn hoá doanh nghiệp, nếu đưa vào chương trình có thể gây khó khăn cho giảng viên tiếng Pháp vì thiếu kiến thức chuyên ngành và thuật ngữ chuyên ngành. Do đó, ở giai đoạn đầu, cần sự tham gia tư vấn và đào tạo của giảng viên chuyên ngành nói tiếng Pháp ở ĐHNT.

Thêm vào đó, cần tạo sự liên kết chặt chẽ giữa kiến thức kinh tế trong các môn học hỗ trợ bằng tiếng Việt và kiến thức kinh tế đề cập trong các học phần NNKTTM. Cần tổ chức chương trình theo tiến độ hợp lý về mặt khoa học sao cho môn kiến thức kinh tế hỗ trợ bằng tiếng Việt được học trước học phần NNKTTM có nội dung tương ứng bằng tiếng Pháp. Ví dụ trước khi học môn NNKTTM 2 – marketing hiện nay, sinh viên cần được học môn Marketing bằng tiếng Việt. Điều này cần sự vào cuộc và phối hợp thực hiện của các Phòng ban và Khoa chuyên môn như Phòng Quản lý khoa học, Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Tiếng Pháp. Hơn nữa, cần đưa vào chương trình đào tạo những buổi học thực tế như thăm thực địa, trao đổi với chuyên gia, hội thảo chuyên ngành... nhằm tăng tính liên kết giữa chương trình đào tạo và doanh nghiệp, hướng nghiệp tốt hơn cho sinh viên chuyên ngành TPTM của ĐHNT.

Thứ ba, Khoa chuyên môn cần có định hướng cho giảng viên về phương pháp giảng dạy, quán triệt giảng viên tiếp cận các học phần NNKTTM theo phương pháp giảng dạy ngôn ngữ chuyên ngành chứ không phải giảng dạy môn kinh tế, hướng hoạt động dạy học theo mục tiêu dạy kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ là chính. Để làm được điều đó, Khoa cần có kế hoạch, lộ trình xây dựng bộ năng lực ngôn ngữ kinh tế thương mại dựa trên việc thu thập ngữ liệu từ môi trường doanh nghiệp. Bộ năng lực này là cơ sở để xây dựng các hoạt

động dạy học nhằm giúp sinh viên lĩnh hội được những kỹ năng giao tiếp cần thiết cho công việc tương lai.

#### 6.2.2. Về người dạy

Đội ngũ giảng viên, bên cạnh thế mạnh được đào tạo cơ bản về tiếng Pháp và/hoặc kinh tế và động cơ dạy học tốt, cần nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của phương pháp dạy học và có ý thức khắc phục hạn chế của mình trên phương diện này. Để nâng cao chất lượng giảng dạy, bản thân giảng viên cần theo học các khoá đào tạo bổ sung về phương pháp dạy học ngoại ngữ nói chung và phương pháp dạy học ngôn ngữ chuyên ngành nói riêng. Khoa chuyên môn có thể tư vấn, mời chuyên gia và tổ chức các khoá học trên cho giảng viên. Nếu việc mời chuyên gia nước ngoài đòi hỏi kinh phí cao, Khoa chuyên môn có thể hợp tác với các khoa ngoại ngữ ở trường đại học khác để mời chuyên gia sư phạm về phương pháp dạy học bộ môn tiếng Pháp tập huấn giảng viên.

Một khi hiểu rõ giáo học pháp của giảng dạy ngôn ngữ chuyên ngành, giảng viên cần tiếp cận nội dung giảng dạy, tổ chức hoạt động trên lớp đúng phương pháp. Cụ thể là, cần chú trọng đến ngữ liệu kinh tế thương mại gốc (diễn ngôn nói và viết trong môi trường chuyên môn thực tế, ví dụ như hội thoại trong doanh nghiệp, phỏng vấn chuyên gia, bản tin kinh tế, thư tín thương mại...), tập trung dạy và rèn luyện đủ 4 kỹ năng giao tiếp cho sinh viên, cung cấp từ vựng, kiến thức ngữ pháp, lưu ý về văn phong của diễn ngôn kinh tế thương mại để sinh viên có đủ công cụ thực hành giao tiếp bằng tiếng Pháp trong môi trường kinh doanh. Cần tăng cường các hoạt động tương tác trên lớp như xây dựng hội thoại, thực hiện dự án, nghiên cứu tình huống. Khi đó, giảng viên chính là người phải xây dựng bộ năng lực ngôn ngữ giao tiếp kinh doanh bằng việc thu thập ngữ liệu kinh tế thương mại từ thực

địa, phân tích diễn ngôn, tìm ra diễn ngôn điển hình của môi trường doanh nghiệp và năng lực ngôn ngữ cơ bản cần dạy cho sinh viên. Trên cơ sở bộ năng lực ngôn ngữ, giảng viên sẽ thiết kế các hoạt động, bài tập tương ứng trên lớp. Có thể khẳng định một lần nữa rằng Bộ năng lực ngôn ngữ chuyên ngành là hạt nhân quyết định hoạt động dạy học TPTM vì nó thể hiện mục tiêu, cụ thể hoá mục tiêu đào tạo bằng các kiến thức, năng lực ngôn ngữ mà người học cần đạt được để có thể giao tiếp bằng tiếng Pháp trong môi trường doanh nghiệp và kinh tế thương mại.

*Hoạt động kiểm tra đánh giá*, ngoài vai trò đánh giá người học còn định hướng việc dạy và học của giảng viên và sinh viên. Do đó, để việc dạy và học đi đúng hướng, kiểm tra đánh giá cần tập trung vào đúng những nội dung cần dạy và học. Trong thời gian tới, giảng viên cần thiết kế bài kiểm tra theo hướng kiểm tra kiến thức và năng lực ngôn ngữ chuyên ngành, trên cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, yêu cầu thực hiện những tình huống giao tiếp chuyên môn bằng tiếng Pháp thay vì chỉ kiểm tra từ vựng, thuật ngữ kinh tế và kiến thức chuyên ngành. Trước mắt, cần bổ sung ngay kỹ năng nghe và nói vào nội dung bài kiểm tra giữa học phần và/hoặc kết thúc học phần.

Bên cạnh đó, giảng viên cần nâng cao trình độ kiến thức chuyên ngành kinh tế vì đây là phần không thể thiếu trong hành trang nghề nghiệp của giảng viên dạy ngôn ngữ chuyên ngành. Dù được đào tạo chính quy hoặc văn bằng 2 về Kinh tế, các giảng viên vẫn luôn cần cập nhật những kiến thức mới, những chủ đề mới về kinh tế mà mình chưa hiểu rõ. Thực tế khi giảng dạy các học phần NNKTTM, giảng viên phải có kiến thức kinh tế tuy không chuyên sâu nhưng phổ rộng nhiều lĩnh vực. Cho nên, giảng viên cần có ý thức tự học, tự nghiên cứu, trao đổi với đồng nghiệp về thuật ngữ hay khái niệm kinh tế mới. Khoa chuyên môn có thể tổ

chức các tọa đàm trao đổi về các chủ đề kinh tế được giảng dạy trong chương trình. Khi cần sự hỗ trợ của chuyên gia, Khoa chuyên môn cần mời các giảng viên chuyên ngành biết tiếng Pháp trong và ngoài trường tập huấn và đào tạo về kiến thức cũng như thuật ngữ kinh tế cho đội ngũ giảng viên TPTM.

Thêm nữa, giảng viên và khoa chuyên môn cần vượt qua những khó khăn như chi phí tài chính hay thủ tục hành chính để chủ động thiết kế các hoạt động tăng tính tương tác giữa chương trình đào tạo và doanh nghiệp như thăm doanh nghiệp, thực tập tại doanh nghiệp, hội thảo, tọa đàm với chuyên gia, thực hiện dự án tại doanh nghiệp...

### 6.2.3. Về người học

Để nâng cao chất lượng sinh viên tốt nghiệp, cần nâng cao trình độ sinh viên, cụ thể là kiến thức tiếng và kiến thức chuyên ngành để sinh viên có đủ năng lực giao tiếp bằng tiếng Pháp trong môi trường doanh nghiệp. Ngoài ra còn cần hỗ trợ, tư vấn sinh viên về phương pháp học và động cơ học tập để sinh viên vượt qua những rào cản trong các học phần NNKTTM.

### *Giải pháp về kiến thức ngôn ngữ*

Thứ nhất, giảng viên cần hướng dẫn sinh viên luyện tập thường xuyên các kỹ năng tiếng Pháp không chỉ trong các giờ học tại trường mà còn ở mọi lúc, mọi nơi trong cuộc sống như xem phim, nghe nhạc, đọc báo bằng tiếng Pháp; tham gia các hoạt động chuyên môn của các câu lạc bộ tiếng Pháp, điển hình như CLB Tiếng Pháp ĐH Ngoại Thương CFE (Club de Français de l'ESCE); tham dự các sự kiện văn hóa Pháp tại Trung tâm văn hoá Pháp; tư vấn và khuyến khích các sinh viên tham gia hoạt động ngoại khóa như trại hè quốc tế, dẫn tour tham quan cho khách nước ngoài và tham gia trao đổi sinh viên giữa các nước trong cộng đồng Pháp ngữ nếu có điều kiện. Khi kiến thức tiếng được nâng cao, việc học TPTM chắc chắn sẽ dễ dàng hơn. Thứ

hai, trong dạy học, giảng viên cần lưu ý sinh viên về những đặc điểm của từ vựng, cấu trúc câu và văn phong đặc trưng trong các diễn ngôn có nội dung kinh tế thương mại. Thứ ba, khoa chuyên môn cần có kế hoạch và thực hiện các thủ tục hành chính để mời giảng viên bản xứ tham gia giảng dạy để giúp sinh viên phát triển kỹ năng, thực hành ngôn ngữ thực tế, phát hiện ra những lỗi sai trong ngôn ngữ cũng như làm quen với văn hóa làm việc trong môi trường quốc tế.

#### *Giải pháp về kiến thức chuyên ngành*

Để giúp sinh viên nâng cao kiến thức chuyên ngành và vốn từ vựng, khoa chuyên môn định hướng và yêu cầu các giảng viên chuyên ngành TPTM cung cấp cho sinh viên những kênh thông tin hoặc phương tiện giúp nâng cao vốn từ tiếng Pháp kinh tế như các trang báo kinh tế, phim có chủ đề kinh tế thương mại hay các hội thoại trong kinh doanh. Đồng thời, khoa cần tổ chức biên soạn bộ sách thuật ngữ kinh tế ứng với từng chủ đề của các học phần NNKTTM trong chương trình đào tạo. Ngoài ra, Khoa Tiếng Pháp cần đẩy mạnh việc gắn thực tiễn với nội dung chuyên ngành được đề cập trong các học phần NNKTTM. Khoa giới thiệu sinh viên chuyên ngành TPTM đi liên hệ thực tập ở các doanh nghiệp nói tiếng Pháp từ sớm (năm thứ 2, 3) hoặc tham gia những buổi hội thảo, tọa đàm bằng tiếng Pháp về các chủ đề kinh tế trong và ngoài Trường.

#### *Giải pháp về phương pháp và động cơ học tập*

Để giúp sinh viên chuyên ngành TPTM có động cơ học tập tốt, điều tiên quyết là định hướng nghề nghiệp tương lai cho sinh viên. Đặc biệt, việc định hướng này không chỉ diễn ra trong quá trình đào tạo mà còn cả trước khi tuyển sinh. Do vậy, khoa chuyên môn cần tích cực tham gia các ngày hội tư vấn tuyển sinh, xây dựng và phân phát bộ tài liệu hướng nghiệp của khoa nói riêng và của trường

ĐHNT nói chung cho đông đảo công chúng.

Ngoài ra, cần đẩy mạnh công tác tư vấn, hướng dẫn về phương pháp học tập cho sinh viên chuyên ngành TPTM, cần coi trọng công tác tham vấn học đường với phòng tư vấn riêng cùng đội ngũ chuyên viên tham vấn được đào tạo bài bản, chuyên sâu cũng như cần có những quy định cụ thể về cơ chế tổ chức hoạt động để phòng tư vấn có thể được duy trì lâu dài. Khoa chuyên môn cần sự hỗ trợ về kinh phí và nhân lực từ phía Nhà trường để có thể hoạt động tư vấn hiệu quả và lâu dài.

Hơn nữa, để tạo điều kiện cho sinh viên chuyên ngành TPTM học tập tích cực, hiệu quả, khoa chuyên môn nói chung và mỗi giảng viên trong khoa nói riêng cần xây dựng môi trường học tập thân thiện, tăng tính tương tác giữa giảng viên – sinh viên và sinh viên – sinh viên, đồng thời gợi mở và phát huy tính sáng tạo, chủ động của tất cả sinh viên chuyên ngành TPTM.

#### *6.2.4. Về giáo trình, tài liệu, trang thiết bị dạy học*

Cần xây dựng giáo trình riêng cho từng học phần NNKTTM, trên cơ sở xây dựng bộ năng lực ngôn ngữ chuyên ngành liên quan đến chủ đề kinh tế của học phần. Ví dụ giáo trình NNKTTM 2 – marketing sẽ dựa trên bộ năng lực ngôn ngữ giao tiếp trong lĩnh vực marketing để thiết kế các hoạt động, bài tập hướng đến 4 kỹ năng giao tiếp (Nghe – nói – đọc – viết) liên quan chủ đề marketing, ở mỗi hay nhiều bài học sẽ phát triển các hoạt động giao tiếp liên quan đến một nội dung của marketing như Segmentation, Produit, Positionnement... theo logic khoa học của chuyên ngành và theo tiến độ hợp lý về cấp độ ngôn ngữ. Tuy nhiên đây là giải pháp rất khó thực hiện vì việc xây dựng bộ năng lực ngôn ngữ giao tiếp chuyên ngành cần rất nhiều thời gian, công sức, đầu tư trí tuệ và tài chính để thu thập diễn ngôn kinh tế từ thực địa, phân

tích diễn ngôn và tìm ra những năng lực ngôn ngữ diễn hình cần có trong giao tiếp doanh nghiệp, xây dựng các hoạt động và bài tập tương ứng với bộ năng lực đó. Do vậy, trước mắt cần đầu tư mua sách và giáo trình tiếng Pháp thương mại của Pháp, tự tìm diễn ngôn kinh tế gốc (ghi âm hội thoại giữa các chuyên gia, nhân viên trong doanh nghiệp, xin mẫu thư tín thương mại của doanh nghiệp, lấy bản tin kinh tế tài chính bằng tiếng Pháp trên trang báo điện tử Pháp, xem phim có chủ đề kinh tế thương mại, v.v.).

Đối với sách chuyên ngành kinh tế, nên dùng làm tài liệu tham khảo cho môn học chứ không sử dụng làm giáo trình chính thức của môn học vì khi đó sẽ biến học phần NNKTTM thành học phần kinh tế chuyên sâu. Do đó, đối với học phần NNKTTM 2 (Marketing), NNKTTM 6 (Đàm phán thương mại), NNKTTM 7 (Quản trị bán hàng), cần thay giáo trình chính thức hiện nay (là sách chuyên ngành kinh tế) của môn học bằng các giáo trình tiếng Pháp thương mại có đề cập chủ đề kinh tế liên quan. Có thể tham khảo cách làm của học phần NNKTTM 3 – Tài chính ngân hàng.

Trước thực trạng đa số các giáo trình, sách tham khảo đều khá cũ, thông tin đôi khi lạc hậu, giảng viên cần tự nghiên cứu, tự học, tự đọc để cập nhật thông tin. Ngoài ra, để khắc phục tình trạng các tài liệu sử dụng hầu như đều là bản photo đen trắng (với cả giảng viên và sinh viên) nên chất lượng kém và không tạo hứng thú học tập cho sinh viên, khoa chuyên môn và Nhà trường có thể đầu tư mua cho giảng viên sách gốc hoặc giảng viên có thể đóng góp kinh phí với Nhà trường để có sách gốc khi dạy học.

Về trang thiết bị học tập, Nhà trường cần đầu tư hệ thống phòng học tiếng quy chuẩn với không gian rộng, bàn ghế xếp theo hình chữ U nhằm tăng khả năng tương tác giữa

người học và người dạy, giữa người học và người học. Ngoài ra, cần trang bị phòng học tiếng những thiết bị dạy học có chất lượng như máy tính cá nhân, máy chiếu, màn hình lớn, tivi, nối mạng internet hoạt động tốt.

## 7. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho phép chúng tôi trả lời những câu hỏi nghiên cứu đã đặt ra ban đầu. Theo đó, việc giảng dạy TPTM ở ĐHNT hiện nay chưa hiệu quả bởi những bất cập trong từng yếu tố cấu thành của quá trình dạy và học, trong đó chủ yếu là do phương pháp giảng dạy chưa phù hợp, chưa đúng với phương pháp luận của giảng dạy ngôn ngữ chuyên ngành: chưa tập trung vào tất cả các kỹ năng giao tiếp, tiếp cận bài giảng theo hướng tập trung vào kiến thức kinh tế thay vì kiến thức tiếng. Cho nên, để nâng cao chất lượng giảng dạy TPTM tại ĐHNT, cần kết hợp thực hiện nhiều giải pháp liên quan đến chương trình, nội dung đào tạo, đội ngũ giảng viên, sinh viên và giáo trình học liệu, trong đó phương pháp dạy học của giảng viên trên cơ sở tuân thủ nguyên tắc giáo học pháp của giảng dạy ngôn ngữ chuyên ngành đóng vai trò then chốt. Và khâu đột phá là xây dựng Bộ năng lực ngôn ngữ chuyên ngành, trong đó thống kê các kiến thức và năng lực giao tiếp tiếng Pháp cần thiết cũng như các hoạt động, bài tập ứng dụng cụ thể để giúp người học có thể giao tiếp bằng ngôn ngữ này trong môi trường kinh doanh như mục tiêu của Chương trình đào tạo.

## Tài liệu tham khảo

### Tiếng Việt

- Báo Nhân dân điện tử (2010). *Chất lượng giáo dục theo cách nhìn của các nhà khoa học*, 7/9/2010, truy cập ngày 30/11/2018 tại website của Báo Nhân dân điện tử.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012). *Thông tư 61/2012/TT-BGDĐT*.
- Đại học Ngoại thương (2014). *Chương trình đào tạo trình độ đại học: Chương trình Tiếng Pháp thương*

mại. Hà Nội.

Nguyễn Thị Thu Hiền (2016). Khái niệm “Hoạt động dạy học” trong đổi mới giáo dục hiện nay, *Tạp chí Đại học Sài Gòn*, Bình luận văn học, Niên san 2016.

## Tiếng Pháp

Alrabadi, E. (2007). *Français sur objectifs spécifiques (FOS) : l'enseignement du français des affaires en Jordanie*, Thèse de doctorat, sous la direction de Laroussi F., Rouen.

Carras C., et al. (2007), *Le français sur objectifs spécifiques et la classe de langue*, Abry D. (Dir.), CLE International, Paris.

Cuq J.P., et al. (2003). *Dictionnaire de didactique du français langue étrangère et seconde*. Paris: CLE international

Diep, K. V. (2008). *Analyses linguistiques de la cohérence dans l'explication scientifique, le cas du discours agronomique : perspectives didactiques au Vietnam*, Thèse de doctorat, sous la direction de Lane P. et Tran Thanh Ai, Université de Rouen.

Dinh, N. L. (2014). *L'enseignement des actes de langage dans la communication commerciale en français au vietnam : le cas des actes de s'excuser/remercier, proposer/commander, refuser/accepter*, Thèse de doctorat, sous la direction de Galatanu O., Nantes.

Dubois, et al. (1994). *Dictionnaire de linguistique*. Paris: PUF.

Do, T. T. G. (2009). Représentations de l'enseignement/apprentissage du français commercial chez les étudiants de l'ESCE de Hanoi (*Biểu trưng về dạy và học Tiếng Pháp thương mại đối với sinh viên Đại học Ngoại thương Hà Nội*). Luận văn thạc sỹ, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Do, T. T. G. (2014). La théorie de la représentation sociale et son application dans l'étude des représentations de l'autoformation chez les enseignants de français de l'ECSE (Lý thuyết biểu trưng xã hội và ứng dụng trong nghiên cứu biểu trưng của giáo viên tiếng Pháp Trường Đại học Ngoại thương về hoạt động tự học). *Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Nghiên cứu Nước ngoài*, 30(1S), 15-30.

Do, T. T. G. (2015). *Enseignement du français commercial dans des écoles supérieures d'économie au Vietnam: représentations et propositions d'amélioration (Giảng dạy tiếng Pháp thương mại ở các trường đại học kinh tế tại Việt Nam: biểu trưng và đề xuất nâng cao chất lượng)*. Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Heyworth, F. (2001). Assurance qualité et maîtrise de la qualité dans l'enseignement et l'apprentissage des langues. Trim John (sous la direction de), *Cadre européen commun de référence pour les langues: guide pour les utilisateurs*, Conseil de l'Europe, Strasbourg, 209-230.

Huynh, T. N. (2003). *La construction du sens dans le discours médical, discours didactique et discours spécialisé : le cas d'un public vietnamien*, Thèse de doctorat, sous la direction de Souchon M., Université de Besançon.

Jouliá, D. (2003). A la recherche de la qualité dans l'enseignement/apprentissage des langues étrangères. *Cahiers de l'APLIUT*, Vol XXII, N° 1, 23-39.

L'Homme, M.C. (2011). Y a-t-il une langue de spécialité? Points de vue pratique et théorique, in *Langues et linguistique, numéro spécial Journées de linguistique*, p. 26-33, initialement paru dans les Actes des Journées de linguistique 1990, Québec, Centre international de recherche en aménagement linguistique, 105-112.

Lehmann, D. (1993). *Objectifs spécifiques en langue étrangère*, Hachette, Paris.

Mangiante, J.M. (2006). *Français de spécialité ou français sur objectif spécifique: deux démarches didactiques distinctes*. Sur le site: dialnet.unirioja.es/descarga/articulo/4030419

Mangiante, J.M. (2007). Une démarche de référentialisation en français des professions: le partenariat universités – Chambre de commerce et d'industrie de Paris, in *Le français dans le monde, Recherche et application*, n° 42.

Mangiante, J.M., & Parpette C. (2004). *Le Français sur Objectif Spécifique: de l'analyse des besoins à l'élaboration d'un cours*. Paris: Hachette.

Mourlhon-Dallies, F. (2008). *Enseigner le français à des fins professionnelles*, Didier, Paris.

Nguyen, T. N. S. (2000). *Cohérence dans le discours économique. Description et perspectives didactiques au Vietnam. Le cas du papier d'analyse de la presse écrite*, Thèse de doctorat, sous la direction de Cortes J., Université de Rouen.

Zolana, A. (2013). *Concevoir un programme de français sur objectifs spécifiques. Difficultés théoriques et pratiques : le cas de la faculté d'économie de l'Université Agostinho Neto, Luanda, Angola*, Thèse de doctorat, sous la direction de Cuq J.P., Ecole doctorale Lettres, sciences humaines et sociales, Nice.



# SITUATION AND SOLUTIONS TO IMPROVE THE QUALITY OF TEACHING FRENCH FOR BUSINESS AT FOREIGN TRADE UNIVERSITY

Do Thi Thu Giang

*Foreign Trade University*

*91 Chua Lang, Lang Thuong, Dong Da, Hanoi, Vietnam*

**Abstract:** The modules of language for business play an important role in the program for students majoring in French for Business - French Language at Foreign Trade University. In order to improve the quality of student output, it is essential to improve the quality of these modules. Therefore, we have conducted a descriptive study, based on basic research tools such as observations, surveys, interviews with students, lecturers and employers to evaluate the current status of teaching at our university. The results include: (1) Identifying outstanding issues in each of the constituent elements of teaching French for business, namely the content and training program, teachers, learners, and learning materials; (2) Proposing solutions in order to improve the quality of teaching.

*Keywords:* French for Business, Specialized French, teaching methods